

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2015

Tại ngày 30 tháng 06 Năm 2015

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI QUÝ	SỐ ĐẦU NĂM
(1)	(2)	(3)		
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		174,108,970,007	136,720,618,051
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3,136,169,415	6,815,831,950
1. Tiền	111		3,136,169,415	6,815,831,950
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		40,918,175,360	8,518,175,360
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1,264,920,000	1,264,920,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(2,696,394,311)	(2,696,394,311)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		42,349,649,671	9,949,649,671
III. Các khoản phải thu	130		111,402,596,231	103,891,397,625
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		27,321,971,141	19,435,782,489
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		456,609,387	579,359,287
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo biên độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		89,270,625,375	89,522,865,522
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		(5,912,696,381)	(5,912,696,381)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		266,086,708	266,086,708
IV. Hàng tồn kho	140		14,693,650,208	16,286,680,391
1. Hàng tồn kho	141		16,281,981,264	19,675,011,447
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3,388,331,056)	(3,388,331,056)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,758,378,794	1,208,732,726
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		541,883,192	541,305,881
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3,099,957,797	583,694,430
3. Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	153		116,537,805	83,732,415
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MI GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		121,400,121,156	127,577,269,018
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở dịch vụ trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		39,447,876,722	41,695,321,897
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	37,876,382,256	39,919,296,554
- Nguyên giá	222		66,476,796,269	67,592,879,604
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28,600,414,013)	(27,663,583,050)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	1,509,323,916	1,704,973,284
- Nguyên giá	225		2,204,450,954	2,204,450,954
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(685,127,038)	(499,477,670)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	62,170,550	71,052,059
- Nguyên giá	228		201,191,977	201,191,977
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			(139,021,427)	(130,139,918)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	154,435,856	154,435,856
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		154,435,856	154,435,856
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		14,096,490,193	14,096,490,193
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	14,096,490,193	14,096,490,193
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		67,701,318,385	71,631,021,072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	67,701,318,385	71,631,021,072

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		295,509,091,163	264,298,087,099
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		183,409,912,072	150,765,145,759
I. Nợ ngắn hạn *	310		182,375,827,563	149,751,061,250
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	43,754,183,749	51,076,865,282
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		149,032,860	373,818,160
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2,726,434,198	0
4. Phải trả người lao động	314		-	42,750,634
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2,035,171,654	2,187,434,965
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	32,211,642,103	32,745,729,809
10. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	320		101,499,362,998	63,324,462,400
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,034,084,509	1,034,084,509
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19	-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.20	-	-
8. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	338	V.21	946,292,842	946,292,842
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		87,791,667	87,791,667
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112,099,179,090	113,512,941,311
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	112,099,179,090	113,512,941,311
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		119,999,950,000	119,999,950,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		119,999,950,000	119,999,950,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,475,046,700	21,475,046,700
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,989,952,715	1,989,952,715
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		530,654,057	530,654,057
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(31,896,424,382)	(30,482,662,161)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30,482,662,161)	4,249,244,019
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(1,413,762,220)	(34,731,906,181)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		295,509,091,162	264,298,087,069

Người lập biểu

Lâm Tuấn Thịnh
Lâm Tuấn Thịnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Anh
Nguyễn Thị Lan Anh

Lập, ngày 20 tháng 07 năm 2015.

Giám đốc



Vũ Đại Bách
Vũ Đại Bách

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý: 02/2015

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	LƯỠI KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		151,524,019,190	287,902,321,264
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(61,688,639,798)	(67,321,722,532)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3,508,478,819)	(3,153,889,545)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3,904,380,169)	(2,516,722,107)
5. Tiền thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(1,102,203,744)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3,787,274,014	4,596,128,970
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,889,230,954)	(18,697,827,206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		84,320,563,464	199,706,085,100
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32,400,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1,500,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		465,404,969	62,917,938
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(31,934,595,031)	1,562,917,938
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của Doanh nghiệp để phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		9,000,000,000	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(65,024,830,968)	(204,832,275,244)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(40,800,000)	(2,389,237,180)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(56,065,630,968)	(207,221,512,424)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(3,679,662,535)	(5,952,509,386)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6,815,831,950	14,955,531,048
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	VII.34	3,136,169,415	9,003,021,662

Lập, ngày 20 tháng 6 năm 2015

Người lập biểu

Chu
Lâm Tuấn Thịnh

Kế Toán Trưởng

Nguyễn Thị Lan Anh
Nguyễn Thị Lan Anh

Giám đốc



Vũ Đại Bách

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
QUÝ 2 NĂM 2015**

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.

Công ty Cổ phần MT Gas (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty TNHH MT Gas, Giấy đăng ký kinh doanh số 5003000179 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp ngày 12 tháng 02 năm 2007. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 theo giấy phép kinh doanh số 1100480979 ngày 02 tháng 10 năm 2014.

Tên tiếng anh: MT Gas Joint Stock Company.

Tên viết tắt: MT Gas.

Trụ sở chính: Lô 1, Ấp Thuận Đạo, Thị trấn Bến Lức, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.

Vốn điều lệ : 119.999.950.000 đồng (Một trăm mười chín tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn Upcom Hà Nội với mã chứng khoán MTG.

2. Lĩnh vực kinh doanh.

- Kinh doanh: Chiết nạp khí hóa lỏng LPG, xăng, dầu, dầu mỡ nhờn. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông. Kinh doanh cảng biển, cảng sông. Mua bán; vật tư, thiết bị máy móc công nghiệp, sản phẩm cơ khí, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Cho thuê kho bãi; Nhận quyền sử dụng đất để xây dựng nhà cho thuê. Xây dựng: Cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, dân dụng, công nghiệp; thi công cầu đường; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo quy hoạch xây dựng nhà ở để chuyển quyền sử dụng đất. San lấp mặt bằng. Mua bán; vật liệu xây dựng, trang trí nội - ngoại thất. Xuất nhập khẩu khí hóa lỏng./.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Thiết kế, gia công lắp đặt bồn bể, thiết kế áp lực; Mua bán thiết bị ngành xăng dầu, khí hóa lỏng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

- Sản xuất chai chứa khí áp lực LPG, CNG...
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Đại lý mua bán kỹ gửi hàng hóa. Môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản), ủy thác mua bán hàng hóa.
- Kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), trạm chiết LPG, CNG.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Bán buôn bếp gas và các thiết bị phụ trợ ngành gas.
- Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.
- Dịch vụ quản lý, kinh doanh, điều hành, khai thác cảng.
- Sửa chữa và bảo dưỡng chai chứa khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG); CNG; NH₃; CO₂; bình chữa cháy.

4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính :

Trong quý 2/2015, không có sự kiện ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính quý 2/2015.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm : Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán :

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng : Nhật ký chung

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 30/06/2015 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi trong các chính sách kế toán trình bày dưới đây :

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC về Hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 1/1/2015. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã áp dụng Thông tư 200 và thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư này cho năm hiện hành.

1. Tiền và tương đương tiền.

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

2. Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2015
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	07-20
Máy móc và thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải	05-10
Tài sản cố định hữu hình khác	07-15

5. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình trình bày phần mềm máy tính được ghi nhận cơ sở giá gốc, khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 08 năm.

6. Chi phí xây dựng cơ bản (XDCB) dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng Cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Năm 2015
Phương tiện vận tải	06

8. Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

9. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khoản vay khó đòi.

10. Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

11. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

12. Dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo Thông tư 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp ngày 28 tháng 06 năm 2013.

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản, giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng, giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn về nguyên giá tài sản cố định theo quy định của Thông tư 45/2013/TT-BTC.

Chi phí vỏ bình gas được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm theo hướng dẫn tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 06 năm 2009 và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn về Chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai.

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo thông tư số 45/2013/TT-BTC, ngày 25 tháng 04 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2-3 năm.

14. Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas (10 năm). Phương pháp hạch toán ký quỹ, ký cược vỏ bình gas này đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 7776/BTC-TCT ngày 02/6/2009 về xử lý thuế đối với khoản tiền đặt cọc vỏ bình gas và Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 hướng dẫn về chế độ tài chính và thuế đối với cơ sở kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai. Khoản thu nhập này được Công ty trình bày vào khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trên Báo cáo tài chính.

15. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

19. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

21. Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

V. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ

1. Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2014	119.999.950.000	21.475.046.700	795.981.086	1.193.971.629	530.654.057	6.641.683.698	150.637.287.170
Tăng trong năm						-	-
Giảm trong năm						37.124.345.859	37.124.345.859
Lỗi năm 2014						34.424.154.835	34.424.154.835
Thủ lao HĐQT và BKS						162.600.000	162.600.000
Chia cổ tức						2.316.719.680	2.316.719.680
Lỗi đầu tư Công ty con						220.871.344	220.871.344
Số dư tại 31/12/2014	119.999.950.000	21.475.046.700	795.981.086	1.193.971.629	530.654.057	(30.482.662.161)	113.512.941.311
Số dư tại 01/01/2015	119.999.950.000	21.475.046.700	795.981.086	1.193.971.629	530.654.057	(30.482.662.161)	113.512.941.311
Tăng trong năm						-	-
Giảm trong năm						1.413.762.220	1.413.762.220
- Lỗi quý 1/2015						726.164.504	726.164.504
- Lỗi quý 2/2015						646.797.716	646.797.716
- Thủ lao HĐQT và BKS						40.800.000	40.800.000
Số dư tại 30/06/2015	119.999.950.000	21.475.046.700	795.981.086	1.193.971.629	530.654.057	(31.896.424.381)	112.099.179.090

2. Trình bày doanh thu và kết quả kinh doanh theo từng hoạt động quý 02/2015

Mặt hàng	Doanh thu	Giảm trừ doanh thu	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Gas dân dụng	35.393.157.045	3.412.192.963	31.980.964.082	28.601.665.174	3.379.298.908
Gas công nghiệp	44.243.504.657		44.243.504.657	43.211.448.483	1.032.056.172
Hoạt động khác	1.391.103.193		1.391.103.193	167.805.691	1.223.297.502
Tổng	81.027.764.894	3.412.192.963	77.615,571,930	71.980.919.348	5.634.652.582

CÔNG TY CỔ PHẦN MT GAS

Báo cáo tài chính cho Quý 2 năm 2015 kết thúc ngày 30/06/2015

3. Các thông tin khác

Báo cáo tài chính năm 2014 và quý 1/2015 được lập theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Bắt đầu từ quý 2/2015, báo cáo tài chính được lập theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Số dư đầu năm 2015 đã được trình bày theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 để đáp ứng việc so sánh số liệu.

Long An, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Người lập



Lâm Tuấn Thịnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lan Anh



Tổng Giám Đốc

Vũ Đại Bách